

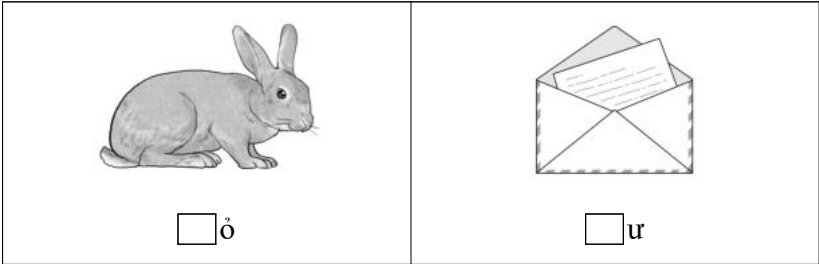
제 5 교시

제2외국어/한문 영역(베트남어 I)

성명

수험 번호

1. □에 공통으로 들어갈 글자는? [1점]



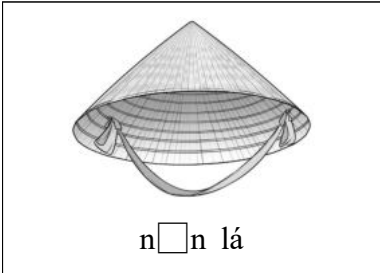
- ① ch ② gh ③ kh ④ ph ⑤ th

2. 밑줄 친 부분과 발음이 같은 것은? [1점]

Các món hải sản ở Việt Nam rất ngon.

- ① gà ② mệt ③ nâu ④ nghĩ ⑤ trượt

3. □에 들어갈 글자의 성조 표기가 옳은 것은?



- ① o
② ò
③ ó
④ ô
⑤ ọ

4. 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

○ Táo đỏ _____ tươi quá!
○ Khi mẹ đi ra ngoài, tôi _____ em gái tôi.

- ① đòi ② đợi ③ chín ④ tăng ⑤ trông

5. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



- ① cũ ② rõ ③ lười ④ sạch ⑤ thân

6. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Con : Ở đây có nhiều váy đẹp quá!
Mẹ : Ừ, đẹp thật. Con _____ đi.
Con : Vâng, con thử nhé.

- ① cái thử váy kia mặc
② kia váy cái thử mặc
③ mặc kia thử váy cái
④ mặc thử cái váy kia
⑤ thử kia cái váy mặc

7. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]



- ① li ② chai ③ trái ④ chiếc ⑤ quyền

8. 빈칸 (a), (b)에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Khi nào mình phải trả sách này?
B: (a) _____ sớm (b) _____ tốt nhé!

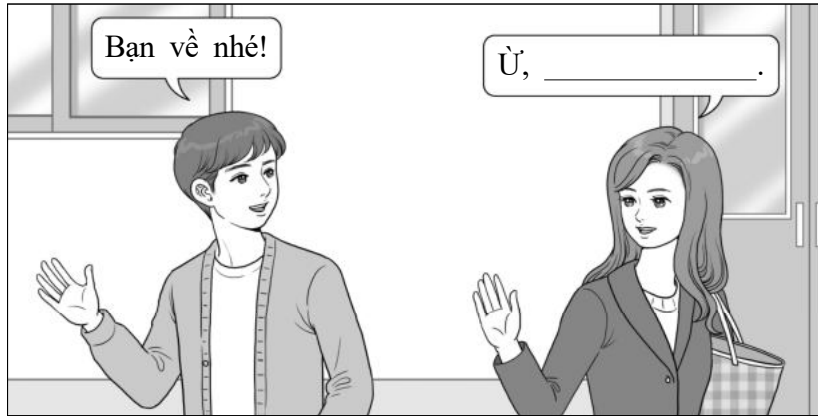
- | (a) | (b) | (a) | (b) |
|--------|------|-------|-----|
| ① Cả | và | ② Đã | lại |
| ③ Chỉ | thôi | ④ Mỗi | một |
| ⑤ Càng | càng | | |

9. 문장 표현이 옳은 것만을 고른 것은?

a. Chúng ta uống cà phê đá cho mát nhé.
b. Ở Việt Nam, không phải đâu cũng nóng.
c. Tất cả mọi bài tập nào hôm nay đều khá dễ.
d. Vì bị làm quen với chị nên tôi rất hạnh phúc.

- ① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

10. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]



- ① có gì đâu ② không sao ③ hãy yên lặng
④ chào bạn nhé ⑤ cô bình thường

11. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

Học sinh : Em chào cô ạ.
Cô Hồng : Chào em. Em _____?
Học sinh : Tên em là Lê Châu Linh ạ.

- ① tên là gì ② lấy vợ chưa
③ bao nhiêu tuổi ④ làm việc ở đâu
⑤ có mấy anh trai

12. 대화의 내용으로 보아 현재 시각은? [1점]

A: Em ơi, mấy giờ kịch bắt đầu?
B: 11 giờ anh ạ.
A: Còn 30 phút nữa nhì. Chúng ta đi mua đồ uống nhé.



13. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Chúc cậu đi du lịch vui vẻ!
B: _____.

- ① Mặn quá ② Cảm ơn cậu
③ Xin hãy trả lời ④ Tớ bán đúng giá
⑤ Cách đây 5 năm rồi

14. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Bạn đã gọi điện thoại cho chị Lan chưa?
B: Ừ, mình đã gọi rồi mà chị ấy _____.
A: Có lẽ chị ấy không mang theo điện thoại.

- ① nghe đây ② vừa tắt đèn rồi
③ không nghe điện thoại ④ thấp hơn em trai mình
⑤ đang nói chuyện với mình

15. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

A: Hôm qua, tôi đã mua quần này cho con tôi nhưng _____ . Anh có cỡ nhỏ hơn không?
B: Xin lỗi chị, loại này không còn cỡ nhỏ hơn ạ.
A: Thế, cho tôi trả lại cái này nhé!

<보 기>

- a. to quá b. không vừa
c. đắt tiền quá d. không thích màu

- ① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

16. 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은?

Gia đình Dũng có 4 người: bố mẹ, em gái và Dũng. Năm nay, bố của Dũng 49 tuổi và mẹ của Dũng 46 tuổi. Bố mẹ Dũng là nhân viên công ti. Dũng là sinh viên năm thứ 2 của một trường đại học ở Hà Nội. Em gái Dũng đang học lớp 5.

- ① Dũng의 동생은 5학년이다.
② Dũng의 부모님은 동갑이다.
③ Dũng은 대학교를 졸업했다.
④ Dũng의 어머니는 간호사이다.
⑤ Dũng의 가족은 Hà Nội에 산다.

17. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Bài hôm nay đến đây là hết. Em muốn hỏi gì không?
B: Không ạ. Em _____ ạ.
A: Em học giỏi lắm!

- ① làm ồn ② có hiểu đâu
③ hiểu hết rồi ④ chẳng biết gì cả
⑤ chưa hiểu câu này

18. 광고문에 언급된 것은? [1점]

- ① Nơi khởi hành ② Số người đăng kí
③ Thực đơn bữa sáng ④ Loại phòng khách sạn
⑤ Chương trình giảm giá

19. 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것은? [1점]

A: Khi rảnh, bạn thường làm gì?
B: Mình thường xem phim.
A: Mình cũng thế. Bạn thích xem phim loại nào?
B: Mình thích xem phim hành động.

- ① B thích chơi bóng đá.
② Khi rảnh, B thường xem phim.
③ A và B đang xem ảnh tốt nghiệp.
④ Khi rảnh, A thường nấu ăn cho bạn.
⑤ A không thích xem phim hành động.

20. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?



<보 기>
a. chưa đỡ lắm b. khỏi ốm rồi
c. đỡ đau nhiều rồi d. đang đau đầu quá

- ① a, b ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

21. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로
바르게 배열한 것은?

A: Chào anh. Tôi muốn đặt vé máy bay đi Huế vào
thứ 6 tuần này.
B: Dạ, chị < >?
A: 9 giờ sáng.
B: Xin lỗi chị, < >. Chuyến 2 giờ
và 4 giờ chiều thì vẫn còn vé đấy.
A: Vậy, cho tôi 1 vé chuyến 2 giờ chiều. Từ đây đến
đó < >?
B: Mất khoảng 1 tiếng 10 phút.

<보 기>
a. mất bao lâu
b. muốn đi lúc mấy giờ
c. sáng thứ 6 thì hết vé rồi

- ① a - b - c ② a - c - b ③ b - a - c
④ b - c - a ⑤ c - a - b

22. 그림과 대화의 내용으로 보아 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



A: Tôi có thể giúp gì cho anh?
B: Tôi muốn < >.
A: Anh ghi họ tên, địa chỉ và số hộ
chiếu của anh vào đây.

- ① sống ở quê
② khám bệnh cho chị
③ sửa tủ lạnh cho bố mẹ
④ trở thành diễn viên hài
⑤ mở tài khoản ở ngân hàng này

23. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Chị dùng gì ạ?
B: Cho tôi một bát phở bò.
A: Chị < >?
B: Có, cho tôi một cốc trà đá.

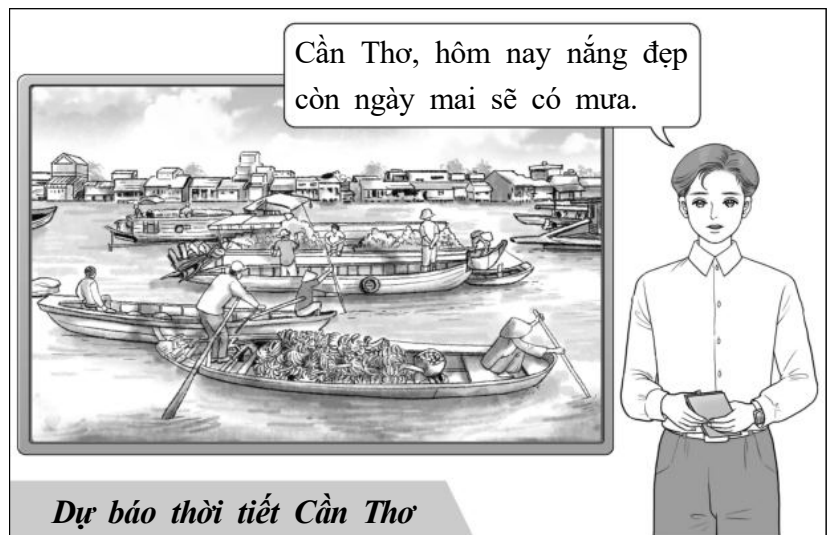
- ① ăn cơm với ai ② cần mấy cái túi
③ có uống gì không ạ ④ thích đi núi hay biển
⑤ thấy món này thế nào

24. 빈칸에 들어갈 말로 알맞지 않은 것은?

A: Sau khi học xong, cậu đi chơi với tớ được không?
B: Rất tiếc, tớ < >.
A: Vậy, lần sau cùng đi nhé.

- ① đi được chứ ② có hẹn khác rồi
③ phải chuẩn bị thi ④ định đi thăm cô Lâm
⑤ cần đi dự tiệc sinh nhật bà

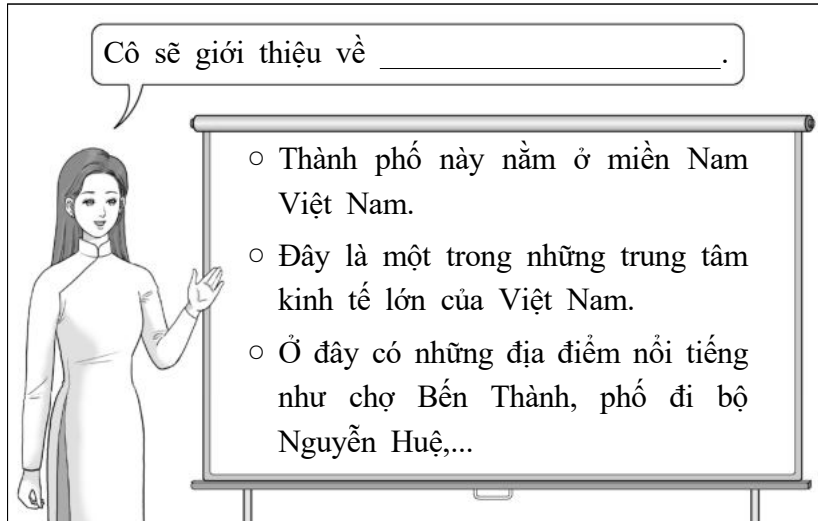
25. 일기 예보로 보아 Cần Thơ의 내일 날씨는?



- ① ② ③ ④ ⑤
- ☀️ 🌳 ☔ ☁️ ☀️

26. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

Cô sẽ giới thiệu về _____.



- Thành phố này nằm ở miền Nam Việt Nam.
- Đây là một trong những trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam.
- Ở đây có những địa điểm nổi tiếng như chợ Bến Thành, phố đi bộ Nguyễn Huệ,...

- ① Hội An ② Hải Phòng
③ Nha Trang ④ Điện Biên Phủ
⑤ Thành phố Hồ Chí Minh

27. ‘베트남 스승의 날(ngày Nhà giáo Việt Nam)’에 관한 대화를 이해한 내용으로 알맞은 것만을 <보기>에서 고른 것은?

Ha-na : Sao mà hôm nay nhiều người mang hoa thê?
Tuấn : Hôm nay là ngày 20 tháng 11, ngày Nhà giáo Việt Nam đấy!
Ha-na : Vậy, vào ngày này học sinh thường làm gì?
Tuấn : Học sinh thường tặng hoa và quà cho các thầy cô để bày tỏ lòng cảm ơn.

* bày tỏ : 표현하다 * lòng : 마음

<보 기>

- a. Là ngày 20 tháng 11.
b. Học sinh phải mặc áo dài vào ngày này.
c. Vào ngày này, các thầy cô không đến trường.
d. Vào ngày này, học sinh thường bày tỏ lòng cảm ơn tới các thầy cô.

- ① a, b ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

28. ‘베트남 액젓(nước mắm)’에 관한 글에 언급된 것은?



Nước mắm là một loại gia vị không thể thiếu trong bữa cơm thường ngày của người Việt Nam. Nước mắm thường được làm từ cá biển và muối. Ở Việt Nam có nhiều nơi làm nước mắm, trong đó tiêu biểu là Phú Quốc, Phan Thiết,...

* gia vị : 양념 * muối : 소금

- ① 판매가 ② 교환 방법 ③ 수상 이력
④ 유통 기한 ⑤ 대표 생산지

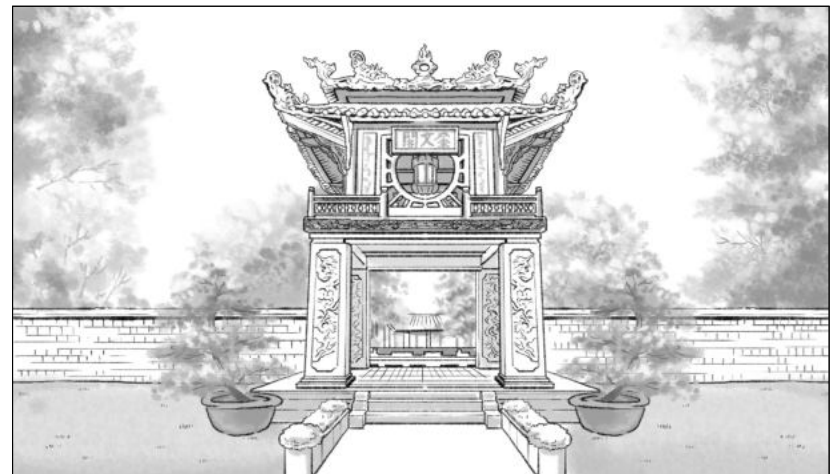
29. Hai Bà Trưng에 관한 글을 이해한 내용으로 알맞은 것은? [1점]

Hai Bà Trưng là hai chị em, chị là Trưng Trắc và em là Trưng Nhị. Vào năm 40, Hai Bà Trưng đứng lên khởi nghĩa và đã đánh đuổi được quân Đông Hán. Vì thế, người Việt Nam rất tự hào về Hai Bà Trưng. Hiện nay, ở Việt Nam có nhiều trường học, đường phố được mang tên “Hai Bà Trưng”.

* khởi nghĩa : 봉기하다 * đánh đuổi : 물리치다
* quân : 군(軍)

- ① 사제지간이다.
② 40년에 봉기를 일으켰다.
③ 23년간 Đông Hán군과 교전했다.
④ 베트남에서 최초로 역사서를 편찬했다.
⑤ Trưng Trắc이라는 이름의 학교와 도로를 건설했다.

30. 글을 이해한 내용으로 알맞지 않은 것은?



Văn Miếu - Quốc Tử Giám nằm ở Hà Nội. Văn Miếu được xây dựng vào năm 1070. Năm 1076, Lý Nhân Tông đã cho lập thêm Quốc Tử Giám. Văn Miếu là nơi thờ Khổng Tử, còn Quốc Tử Giám được xem là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam. Hiện nay, nhiều học sinh đến Văn Miếu - Quốc Tử Giám để cầu may mắn trước khi đi thi.

* thờ : (사당에) 모시다 * đầu tiên : 최초의 * cầu : 기원하다

- ① Văn Miếu là nơi thờ Khổng Tử.
② Văn Miếu được xây dựng vào năm 1070.
③ Lý Nhân Tông đã cho lập Quốc Tử Giám vào năm 1076.
④ Nhiều học sinh đến Văn Miếu - Quốc Tử Giám để thuê nhà.
⑤ Quốc Tử Giám được xem là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam.

* 확인 사항

- 답안지의 해당란에 필요한 내용을 정확히 기입(표기)했는지 확인 하시오.